

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 415/2022/HC-PT

Ngày 17 - 9 - 2022

*V/v khởi kiện quyết định hành chính
về giải quyết khiếu nại và quyết định
áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân trọng;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Phan Nhật Phong, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà:
Bà Khúc Thị Hồng Hạnh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 17 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 369/2021/TLPT-HC ngày 29 tháng 9 năm 2021 về việc “*Khởi kiện quyết định về giải quyết khiếu nại và quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả*”, do Bản án hành chính sơ thẩm số: 95/2020/HC-ST ngày 30 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo của người khởi kiện.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 8385/2022/QĐ-PT ngày 31/8/2022 giữa các đương sự:

* *Người khởi kiện:* Ông Lê Đức T sinh năm 1977, có mặt;

HKTT: Thôn X1, xã X2, huyện X3, thành phố Hà Nội;

Tam trú tại: Khu C, xã X2, huyện X3, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn N và ông Ngô Thanh B, Luật sư Công ty luật TNHH NTCL, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội, ông B có mặt, ông N vắng mặt.

* *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) huyện X3, thành phố Hà Nội;

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thị trấn X3, huyện X3, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh H, chức vụ Phó Chủ tịch UBND huyện X3, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch UBND xã X2, huyện X3, thành phố Hà Nội.

3. UBND xã X2, huyện X3, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn K - Chủ tịch, có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH MTV đầu tư phát triển thủy lợi SN;

Địa chỉ: Tầng 4-5 Tòa nhà NHX4, khu đô thị X4, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Mạnh H1, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Thanh S, chức vụ: Tổng giám đốc, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Lê Thị H2, sinh năm 1982, vắng mặt;

HKTT: Thôn X1, xã X2, huyện X3, thành phố Hà Nội.

3. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1958, có đơn xin xét xử vắng mặt;

HKTT: Thôn X2, xã X2, huyện X3, thành phố Hà Nội.

** Người kháng cáo:* Ông Lê Đức T, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1989, Đảng ủy - UBND - Hợp tác xã (sau đây gọi tắt là HTX) nông nghiệp X2 quy hoạch chợ phía Đông trục đường liên xã X2 - L nên có cho một số hộ dân mượn đất để mở đường phía Tây trục đường liên xã để làm lều quán tạm bán hàng, với chiều ngang 4m nhưng không được đắp đất, bắc sào đưa ra sông. Quá trình phát triển mở rộng đường, kéo theo sự xuống cấp của các lều quán nên các hộ dân đã đổ cột bê tông xuống lòng đường để xây dựng công trình kiên cố và bán kiên cố trên đường, hình thành Khu C xã với hơn 50 hộ dân, trong đó có hộ ông Lê Đức T.

Thực hiện chỉ đạo của UBND huyện X3, ngày 16/6/2015 UBND xã X2 đã lập biên bản đối với các hộ có nhà, công trình trên tuyến đường 429, đường giao thông

liên xã, hệ thống tưới tiêu có liên quan thuộc phạm vi đất công do Nhà nước quản lý, trong đó có hộ ông Lê Đức T với hiện trạng công trình xây dựng gạch chỉ, mái lợp tôn, cao trung bình 07m, diện tích 51m². Việc lập biên bản có chữ ký của bà Lê Thị H2 (là vợ ông T).

Ngày 21/4/2016, UBND xã X2 có Báo cáo số 23/BC-UBND về công tác xử lý vi phạm trong lĩnh vực đất đai và trật tự xây dựng giai đoạn từ trước năm 2014, giai đoạn từ năm 2014 - 2015 và giai đoạn 3 tháng đầu năm 2016 đến nay trên địa bàn bao gồm 55 trường hợp; trong đó gia đình ông Lê Đức T có nhà bán kiên cố trên lòng mương với diện tích 51m² vi phạm hành lang đê, hành lang giao thông từ năm 1989, đã lập biên bản vi phạm nhưng chưa hoàn thiện hồ sơ xử lý, thuộc thẩm quyền xử lý của UBND huyện.

Ngày 06/5/2016, Huyện ủy X3 có Thông báo số 105/TB-HU về kết luận của Thường trực huyện ủy về chỉ đạo xử lý dứt điểm vi phạm trong lĩnh vực đất đai và trật tự xây dựng trên địa bàn xã X2 trong đó: Đối với 55 trường hợp vi phạm công trình thủy lợi (xây nhà, lều quán kinh doanh trên mương thủy lợi giáp đường liên xã X2 - L) xây dựng kế hoạch và tổ chức giải tỏa để mở rộng đường và đảm bảo tiêu thoát nước trong mùa mưa bão.

Sau khi rà soát, UBND xã đề nghị các hộ dân cung cấp các loại giấy tờ có liên quan đến việc sử dụng và xây dựng công trình trên lòng mương đường trục xã; ngày 07/3/2017 UBND xã X2 có báo cáo số 09/BC-UBND, đồng thời kèm theo danh sách 52 trường hợp có vi phạm; trong đó hộ ông Lê Đức T hiện trạng sử dụng 12 cột bê tông cốt thép dưới lòng mương, mặt sàn đổ bê tông, tầng 1 đổ bê tông mái bằng, tầng 2 xây gạch chỉ lợp mái tôn, tổng diện tích 73,44m² (tầng 1 là 44,88m²) cao trung bình 07m, cách mặt đường bê tông 2m. Kết quả rà soát được UBND xã X2 niêm yết công khai tại các thôn và loa truyền thanh của xã yêu cầu các hộ dân kinh doanh trên lòng mương tự tháo dỡ, giải tỏa công trình xây dựng.

Ngày 16/4/2017, ông Trần Văn T1 là một trong những người đại diện cho các hộ kinh doanh trên lòng mương đường trục xã X2 kiến nghị lên các cấp có thẩm quyền liên quan đến việc kinh doanh trên lòng mương. Ngày 05/6/2017, UBND xã X2 ban hành Thông báo số 97/TB-UBND về việc trả lời đơn của ông Trần Văn T1 đại diện cho các hộ có công trình xây dựng trên lòng mương với nội dung: Việc các hộ đề nghị ngừng tháo dỡ công trình là không phù hợp, UBND xã chỉ cho một số hộ mượn đất, không bán, không cho thuê, không cho thầu nên không thuộc diện đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật; UBND xã không đủ nguồn ngân

sách để hỗ trợ nên sẽ đề nghị cấp trên xem xét, UBND xã đã quy hoạch xây dựng chợ Trung tâm tại khu CS thuộc thôn V nên các hộ có nhu cầu thì đăng ký.

Ngày 15/6/2017, ông Trần Văn T1 (đồng thời là người đại diện cho các hộ dân có công trình trên nương) khiếu nại Thông báo số 97/TB-UBND ngày 05/6/2017 của UBND xã X2. Ngày 16/6/2017, UBND xã X2 ban hành Thông báo số 109/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu. Ngày 17/6/2017, UBND xã X2 tổ chức buổi làm việc với ông Trần Văn T1 để chốt nội dung đơn. Ngày 19/6/2017, Chủ tịch UBND xã X2 ban hành Quyết định số 68/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung đơn khiếu nại và thành lập Tổ công tác xác minh nội dung đơn khiếu nại. Từ ngày 24/6/2017 đến ngày 30/6/2017, Tổ xác minh xã X2 tiến hành thu thập tài liệu xác minh nội dung đơn khiếu nại trong đó có lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 58/BB-VPHC ngày 20/6/2017. Ngày 31/6/2017, Tổ xác minh nội dung đơn khiếu nại của xã có Báo cáo số 02/BC-TXM về kết quả xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 08/7/2017, Chủ tịch UBND xã X2 ban hành Quyết định số 72/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 1 với nội dung giữ nguyên Thông báo số 97/TB-UBND ngày 05/6/2017 của UBND xã X2.

Ông Trần Văn T1 (đồng thời là người đại diện cho các hộ dân có công trình trên nương) tiếp tục khiếu nại. Ngày 08/02/2018, Chủ tịch UBND huyện X3 ban hành Quyết định số 275/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 2 có nội dung giữ nguyên Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 của Chủ tịch UBND xã X2, yêu cầu ông Trần Văn T1 nhận thức rõ hành vi vi phạm của mình và chấp hành các nội dung giải quyết của các cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; kiểm điểm trách nhiệm theo thẩm quyền đối với cá nhân, tập thể cán bộ UBND xã X2 thời điểm 1989 đã buông lỏng quản lý trong lĩnh vực khai thác bảo vệ công trình thủy lợi để các hộ dân xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi mà không có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời theo quy định.

Theo Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 20/6/2017, ông Lê Đức T xây dựng nhà ở diện tích 82,3m², hiện trạng có 02 công trình: Công trình 1 dựng 12 cột bê tông cốt thép tại lòng nương, mặt sàn đổ bê tông cốt thép, tường xây gạch chỉ, mái lợp cao khoảng 7m (tính từ mặt sàn); công trình 2 dựng cột sắt thép dưới lòng nương, sàn gỗ + sắt thép, tường xây tôn, mái lợp tôn, cao khoảng 3,5m, diện tích 31,3m² cách tim đường 4,45m, thời điểm vi phạm năm 1992. Hành vi của ông Lê Đức T vi phạm điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định số 139/2013/NĐ-CP ngày 20/10/2013 của Chính phủ về xử phạt

vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, phòng, chống lụt bão. Yêu cầu ông Lê Đức T tự tháo dỡ, giải tỏa toàn bộ công trình vi phạm, di dời toàn bộ vật liệu vi phạm ra khỏi vị trí vi phạm, ông Lê Đức T có mặt nhưng không ký biên bản.

Do hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính và ông Lê Đức T không tự tháo dỡ công trình vi phạm nên ngày 13/8/2018, Chủ tịch UBND huyện X3 đã ban hành Quyết định số 1919/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, buộc ông Lê Đức T tháo dỡ công trình xây dựng trái phép ra khỏi vị trí vi phạm, khôi phục tình trạng ban đầu.

** Người khởi kiện là ông Lê Đức T yêu cầu:* Hủy Thông báo số 97/TB-UBND ngày 05/6/2017 của UBND xã X2, hủy Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 của Chủ tịch UBND xã X2 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, hủy Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện X3 về việc giải quyết khiếu nại lần 2; hủy Quyết định số 1919/QĐ-KPHQ ngày 13/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện X3 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; buộc UBND huyện X3, Chủ tịch UBND huyện X3 phải công khai xin lỗi và bồi thường danh dự. Căn cứ khởi kiện của ông và các hộ dân là: Ông T và các hộ dân không tự động ra đây làm nhà lập phố mà là do UBND vận động nhân dân lập phố bán hàng phát triển kinh tế gia đình và tạo nguồn thu ngân sách cho địa phương. Ông và các hộ đều làm đơn, đăng ký và được UBND xã chia cho từng hộ, không có việc ông và các hộ lấn chiếm đất như các quyết định hành chính đã nêu. Ông và các hộ sử dụng ổn định làm nơi kinh doanh, sinh sống từ năm 1989 cho đến nay mà không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Đức T rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc UBND huyện X3, Chủ tịch UBND huyện X3 phải công khai xin lỗi, bồi thường danh dự và thiệt hại về tài sản.

** Người bị kiện là UBND và Chủ tịch UBND xã X2 có quan điểm:*

Thực hiện Thông báo số 105/TB/HU ngày 06/5/2016 của Huyện ủy X3, qua kiểm tra, rà soát bản đồ các năm 1982, 1995 UBND xã X2 xác định 51 hộ dân trong đó có hộ ông Lê Đức T đã xây dựng công trình nhà ở trong lòng mương thủy lợi trực đường liên xã L - X2 (kênh tiêu trạm bơm X2), vi phạm quy định tại điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định số 139/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013 (nay là điểm b khoản 5 Điều 17 Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017) nên đã ban hành Thông báo số 97/TB-UBND ngày 05/6/2017.

Từ khi tiếp nhận đơn khiếu nại cho đến khi ban hành Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, Chủ tịch UBND xã X2 đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thời hạn và thẩm quyền theo quy định của Luật Khiếu nại. Việc ông Lê Đức T cho rằng UBND xã X2 không thành lập Hội đồng tư vấn, không tổ chức đối thoại là vi phạm Thông tư 07/2013/TT-TTCT nhưng Điều 20, Điều 21 Thông tư 07/2013/TT-TTCT thì việc thành lập Hội đồng tư vấn là không bắt buộc. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức T.

** Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện X3 có quan điểm:*

Việc UBND xã X2 và Chủ tịch UBND xã X2 ban hành Thông báo số 97/TB-UBND ngày 05/6/2017 và Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 là đúng quy định của pháp luật nên Chủ tịch UBND huyện X3 ban hành Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 có nội dung giữ nguyên Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 là đúng quy định của pháp luật. Hành vi xây dựng công trình nhà ở trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của ông Lê Đức T là vi phạm quy định tại điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định số 39/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013, nay quy định tại điểm d khoản 5 Điều 17 Nghị định 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đề điều. Ngày 20/6/2017, UBND xã X2 lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi đối với ông Lê Đức T là đúng mẫu, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 81/2013/NĐ-CP, Nghị định số 97/2017/VĐ-CP. Do hành vi của ông Lê Đức T đã quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 6, Điều 28 và Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, nên ngày 13/8/2018 Chủ tịch UBND huyện X3 đã ban hành Quyết định số 1919/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Lê Đức T là đúng thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 5 Điều 17; khoản 2 Điều 16 Nghị định số 104/2017/NĐ-CP. Việc này cũng đã được Thanh tra thành phố Hà Nội thanh tra toàn diện và đã có kết luận xác định việc UBND xã X2, UBND huyện X3 xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi của các hộ dân nêu trên là đúng quy định của pháp luật. Do đó, Chủ tịch UBND huyện X3 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển thủy lợi SN có quan điểm:*

Kênh nằm dọc trục đường liên xã L - X2 huyện X3 là kênh tiêu chung (kênh cấp 2) của hai Trạm bơm X2 và X1, tổng chiều dài tuyến kênh là 2.760m, chiều sâu trung bình 2m, chiều rộng mặt kênh 10m, khoảng cách giữa hai đỉnh bờ kênh 14m. UBND xã X2 thực hiện đầu tư xây dựng Trạm bơm X2 năm 1974 và X1 năm 1996. Năm 1974 Công ty chỉ tiếp nhận quản lý, vận hành Trạm bơm X2, còn tuyến kênh không được bàn giao. Ngày 27/6/2017 Công ty tiếp nhận quản lý, vận hành Trạm bơm X1 và tuyến kênh nằm dọc trục đường liên xã L - X2 theo quy định của UBND thành phố Hà Nội tại Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Tại thời điểm Công ty tiếp nhận Trạm bơm và tuyến kênh đã có các vi phạm công trình trong phạm vi bảo vệ tuyến kênh. Như vậy, các công trình xây dựng trên kênh, và trong phạm vi bảo vệ tuyến kênh đã có trước khi Công ty tiếp nhận bàn giao để quản lý, vận hành. Từ khi tiếp nhận tuyến kênh nằm dọc trục đường liên xã L - X2, hàng năm Công ty đều tổ chức thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng công trình; phát quang, dọn vệ sinh trong lòng và mái kênh theo quy định, đảm bảo dẫn nước tưới tiêu. Năm 2018, Công ty đã duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán kinh phí và tổ chức thi công nạo vét, sửa chữa tuyến kênh. Tuy nhiên, do các công trình xây dựng vi phạm trước đây trên kênh chưa được giải tỏa nên không thể thi công được toàn bộ chiều dài tuyến kênh theo hồ sơ thiết kế đã duyệt. Năm 2019, Công ty vẫn tổ chức thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng công trình theo quy định, đảm bảo dẫn nước tưới tiêu.

Tháng 4/2017, Công ty đã cử cán bộ tham gia vào Tổ công tác của UBND huyện X3, thực hiện công tác lập hồ sơ xử lý các trường hợp vi phạm xây dựng công trình, trong phạm vi tuyến kênh nằm dọc trục đường liên xã L - X2. Ngày 20/4/2018, Xí nghiệp Thủy lợi X3 thuộc Công ty đã có Văn bản số 40/2018/BC-TLPX gửi UBND huyện X3 và UBND xã X2 về việc vi phạm Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên kênh tiêu Trạm bơm X2. Tháng 01/2019 Công ty đã làm việc với Đoàn Thanh tra thành phố Hà Nội về các vấn đề liên quan đến việc quản lý, đầu tư khai thác sử dụng kênh tiêu Trạm bơm X2, xã L, huyện X3. Các công trình xây dựng trên kênh và trong phạm vi bảo vệ tuyến kênh nằm dọc trục đường liên xã L - X2 là vi phạm các quy định về bảo vệ công trình thủy lợi, làm ảnh hưởng đến việc dẫn nước của kênh, do đó cần phải xử lý.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác:* không có quan điểm, ý kiến gì khác, đều nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức T và xin giải quyết vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 95/2020/HC-ST ngày 30/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Luật Đất đai năm 1987; Luật Đất đai năm 2013; Luật Khiếu nại năm 2011; Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Pháp lệnh về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi năm 2001; Nghị định số 112-HĐBT ngày 25/8/1984 của Hội đồng bộ trưởng; Nghị định số 139/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013 của Chính phủ; Nghị định 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; Thông tư 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Tổng Thanh tra Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức T về yêu cầu hủy Thông báo số 97/TB-UBND ngày 05/6/2017 của UBND xã X2 và các Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 về giải quyết khiếu nại của UBND xã X2; Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 về giải quyết khiếu nại, Quyết định số 1919/QĐ-KHHQ ngày 13/8/2018 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND huyện X3, thành phố Hà Nội.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Lê Đức T về việc buộc UBND huyện X3, Chủ tịch UBND huyện X3 phải công khai xin lỗi, bồi thường danh dự và thiệt hại về tài sản do rút yêu cầu.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/6/2020, người khởi kiện ông Lê Đức T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ông Lê Đức T trình bày: Tuy không có tài liệu gì chứng minh gia đình ông được cấp có thẩm quyền giao quyền sử dụng đất hợp pháp, nhưng việc gia đình ông và các hộ dân ra đê đường làm quán bán hàng là nghe theo lời kêu gọi của UBND xã; quá trình sử dụng các gia đình đã xây dựng các công trình nhưng chính quyền địa phương không hề có ý kiến phản đối gì, thậm chí còn đồng tình; hàng năm gia đình ông đều nộp thuế đầy đủ. Do đó, người có lỗi chính là chính quyền địa phương chứ không phải người dân, nên không thể bắt người dân phải chịu mà

phải bắt các cán bộ xã chịu trách nhiệm. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại đảm bảo quyền lợi cho người dân.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông T trình bày:

Đối với việc UBND huyện X3 ban hành Quyết định số 275 và Quyết định 1919 thì thấy: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Luật Thủy lợi có quy định: “Đối với công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, không ảnh hưởng đến an toàn, năng lực phục vụ của công trình thủy lợi được tiếp tục sử dụng nhưng không được mở rộng quy mô hoặc thay đổi kết cấu”. Việc hộ ông T có công trình không làm ảnh hưởng đến an toàn và năng lực dòng chảy thủy lợi buộc phải tháo dỡ theo quy định của Luật.

Về thủ tục giải quyết đơn kiến nghị và giải quyết khiếu nại có vi phạm:

Trong quá trình giải quyết đơn kiến nghị để ban hành thông báo số 97/TB-UBND, UBND xã đã không mời và làm việc với các hộ dân có đơn kiến nghị tập thể, chỉ làm việc và giao thông báo 97 cho một mình cá nhân ông T1, trong khi đó ông T1 không được bà con ủy quyền là vi phạm thủ tục về ủy quyền của các hộ có đơn kiến nghị.

Về nội dung thông báo 97 được ban hành dựa trên sự chỉ đạo của Thường trực huyện ủy X3, Kết luận của Ủy ban kiểm tra huyện ủy X3 và Kết luận của Ủy ban kiểm tra Thành ủy Hà Nội; nhưng thông báo của huyện ủy chỉ yêu cầu xử lý dứt điểm những vi phạm từ năm 2014 - 2015, còn 55 trường hợp cho rằng vi phạm hành lang công trình thủy lợi thì đã có kế hoạch giải tỏa, nên bà con xã X2 đã có đơn đề nghị dừng việc yêu cầu bà con tháo dỡ; nhưng đơn của bà con đã bị UBND xã bác bỏ.

Trước thời điểm có kết luận của Huyện ủy và Ủy ban kiểm tra Thành ủy thì UBND xã X2 đã tự ý lập biên bản hành chính trong lĩnh vực đất đai, khai thác công trình thủy lợi đối với các hộ dân vào ngày 19/8/2016, nhưng sau đó gần một năm lại được chính UBND xã X2 lại ban hành thông báo số 113 để hủy bỏ toàn bộ các biên bản vi phạm hành chính mà xã đã lập ngày 19/8/2016, nhưng UBND xã X2 ban hành thông báo số 97 dựa trên thông báo của Thường trực Huyện ủy và kết luận của Ủy ban kiểm tra mà các thông báo, kết luận này đều dựa trên các báo cáo, biên bản vi phạm hành chính đã được UBND xã hủy bỏ; nhưng cấp sơ thẩm đã không xem xét đến sự thật là UBND xã và UBND huyện lợi dụng vào việc các hộ dân ký đơn tập thể để cho rằng bà con ủy quyền cho ông T1 để ban hành các quyết

định giải quyết khiếu nại lần 1 và lần 2; các quyết định này cũng chỉ được gửi cho một mình ông T1.

Đối với quyết định áp dụng biện pháp buộc khắc phục hậu quả thì UBND và Tòa án cấp sơ thẩm đều cho rằng các hộ dân đã vi phạm pháp luật về thủy lợi, nhưng lại không áp dụng Luật Thủy lợi để giải quyết.

Từ các phân tích trên, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông T cho rằng bản án sơ thẩm có nhiều vi phạm nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T, hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của ông Lê Đức T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện là Thông báo số 97/TB-UBND ngày 05/6/2017 của UBND xã X2 về việc trả lời đơn đề nghị của ông Trần Văn T1 (đại diện cho các hộ gia đình); Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 của Chủ tịch UBND xã X2 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Văn T1; Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện X3 về giải quyết khiếu nại lần hai; Quyết định số 1919/QĐ-KPHQ ngày 13/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện X3 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Đây là các quyết định hành chính cá biệt của cơ quan hành chính Nhà nước, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 08/02/2018 Chủ tịch UBND

huyện X3 ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai, và ngày 13/8/2018 Chủ tịch UBND huyện X3 ban hành quyết định hành chính về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; không đồng ý với các quyết định này, ngày 18/8/2018 ông Lê Đức T có đơn khởi kiện vụ án hành chính là đang trong thời hạn một năm, nên đang trong thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính. Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện cho rằng ông T không ủy quyền cho ông T1 khiếu nại. Tuy nhiên, căn cứ đơn khởi kiện của ông T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; đặc biệt là tại phiên tòa sơ thẩm ông T và ông T1 đều thừa nhận các hộ dân (trong đó có ông T) ủy quyền cho ông T1 khiếu nại; UBND xã X2 và UBND huyện X3 đều cho rằng ông T1 được các hộ dân ủy quyền khiếu nại, nên các quyết định giải quyết khiếu nại là giải quyết khiếu nại của các hộ dân do ông T1 đại diện, nên ý kiến của người khởi kiện và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện không có căn cứ chấp nhận.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt, hoặc đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ, hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 158; khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

** Về nội dung:* Xét kháng cáo của ông Lê Đức T thấy:

[3] Về nguồn gốc diện tích đất trên có công trình xây dựng là đối tượng của các quyết định hành chính đang bị khởi kiện: Theo hệ thống bản đồ địa chính liên quan đến tuyến đường giao thông liên xã X2 - L và nương thủy lợi trực đường liên xã X2 - L (kênh tiêu trạm bơm X2), gồm bản đồ lập năm 1982 và năm 1996, kèm sổ mục kê theo bản đồ thể hiện:

- Tại tờ bản đồ số 2,6 đo vẽ năm 1982 (không được cơ quan có thẩm quyền ký xác nhận) thể hiện là 02 thửa dài liền kề nhau (không ghi số thửa, diện tích), sổ mục kê ghi loại đất: Đường, nương; chủ sử dụng: UBND xã.

- Tại tờ bản đồ số 4, 5, 6, 8, 10 đo vẽ năm 1996 (không được cơ quan có thẩm quyền ký xác nhận) thể hiện là các thửa dài liền kề nhau (không ghi số thửa, diện tích). Sổ mục kê ghi loại đất: Đường, nương; chủ sử dụng: UBND xã.

Phía người khởi kiện không có tài liệu thể hiện diện tích đất xây dựng các công trình có nguồn gốc hợp pháp. Chỉ đưa ra căn cứ là do có sự đồng ý của UBND xã X2, người khởi kiện đã cùng gia đình ra xây dựng công trình nêu trên để ở từ năm 1989 đến nay.

Như vậy, việc một số hộ dân trong đó có gia đình ông Lê Đức T đã ra dựng đường này làm lều quán kinh doanh là theo chủ trương của UBND xã X2, tuy UBND xã chỉ đồng ý cho làm quán bán hàng bằng vật liệu tre, nứa, không được xây dựng kiên cố trên lòng đường và lòng nương là vi phạm pháp luật, trái với quy định tại Điều 18 Nghị định 141/CP ngày 26/9/1963 của Hội đồng Chính phủ về việc ban hành điều lệ quản lý khai thác và bảo vệ các công trình thủy nông. Đặc biệt, các hộ dân đã tự ý đổ cột bê tông, làm nhà ở kiên cố trên nương để ở và kinh doanh là vi phạm Luật Đất đai 1987 và Nghị định số 30/HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng bộ trưởng về việc thi hành Luật Đất đai. Theo quy định của pháp luật về đất đai, thì việc giao đất cho hộ gia đình, cá nhân thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện, nên việc UBND xã X2, Chủ tịch UBND xã X2 thời kỳ năm 1989 cho các hộ gia đình, cá nhân mượn đất dọc ven đường để dựng lều, quán bán hàng kinh doanh đều là trái thẩm quyền, vi phạm pháp luật về đất đai, vi phạm quy định về bảo vệ công trình thủy lợi. Những sai phạm này cũng đã được Thanh tra thành phố Hà Nội kết luận vi phạm và kiến nghị xem xét trách nhiệm và có hình thức kỷ luật đối với tập thể, cá nhân có liên quan.

Thông báo số 97/TB-UBND ngày 05/6/2017 của UBND xã X2 đã căn cứ vào Biên bản cuộc họp ngày 16/4/2017 của các hộ dân kinh doanh trên nương đường trục xã X2 xác định, ông Trần Văn T1 là một trong những người đại diện cho 52 hộ dân (trong đó có hộ ông Lê Đức T) có công trình trên nương, đường trục xã X2 làm đơn kiến nghị tới chính quyền về việc thông báo niêm yết tại các thôn và loa truyền thanh của xã yêu cầu các hộ kinh doanh trên lòng nương xã X2 tự tháo dỡ, giải tỏa là thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ các công trình thủy lợi và chấp hành các quy định của pháp luật đất đai đối với việc sử dụng đất không đúng quy định và các hộ vi phạm trật tự xây dựng.

[4] Đối với Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 08/7/2017 của Chủ tịch UBND xã X2 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với các hộ dân, thấy: Như đã

phân tích ở trên thì việc UBND xã X2 ban hành Thông báo số 97/TB-UBND ngày 05/6/2015 là đúng quy định, đúng thẩm quyền; không đồng ý với nội dung thông báo trên, ông Trần Văn T1 đại diện các hộ dân đã có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND xã X2. Sau khi nhận được đơn khiếu nại, UBND xã X2 đã ban hành Thông báo số 109/TB-UBND ngày 16/6/2017 về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu, đồng thời có quyết định thành lập tổ xác minh nội dung đơn; căn cứ kết quả xác minh ngày 08/7/2017 Chủ tịch UBND xã X2 ban hành Quyết định số 72/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của các hộ dân là đúng quy định tại các Điều 9, Điều 27, Điều 28, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại.

[5] Đối với Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện X3, thấy: Căn cứ đơn khiếu nại của ông Trần Văn T1 (đại diện cho các hộ dân) Chủ tịch UBND huyện X3 đã thụ lý và giải quyết đơn khiếu nại lần hai; trong thời hạn giải quyết khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện X3 đã tổ chức xác minh, tổ chức đối thoại đối với người khiếu nại là thực hiện đúng trình tự được quy định tại Điều 37, Điều 38, Điều 39 Luật Khiếu nại; căn cứ kết quả xác minh, đối thoại thấy việc Chủ tịch UBND xã X2 ban hành Quyết định số 72 là đúng quy định, nên Chủ tịch UBND huyện X3 đã ban hành Quyết định số 275 về giải quyết khiếu nại lần hai đối với các hộ dân, xác định việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã X2 là có căn cứ, nên không chấp nhận nội dung khiếu nại của các hộ dân là đúng quy định tại Điều 40 Luật Khiếu nại.

[6] Đối với Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện X3 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Như đã phân tích ở trên thì hộ gia đình ông Lê Đức T đã có hành vi xây dựng nhà ở, công trình trên nương là hành vi xây dựng trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, vi phạm quy định tại điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định số 139/2013/NĐ-CP ngày 20/3/2013, nên phải bị xử lý, nếu ngăn chặn kịp thời thì bị xử phạt vi phạm hành chính, buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm; nếu không kịp thời thì bị buộc khắc phục hậu quả, khôi phục lại tình trạng ban đầu. Do hành vi vi phạm hành chính (xác định từ năm 1989 theo Biên bản vi phạm hành chính lập ngày 20/6/2017) đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, nên Chủ tịch UBND huyện X3 không quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà chỉ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tháo dỡ công trình xây dựng ra khỏi vị trí vi

phạm; khôi phục lại tình trạng ban đầu là đúng theo khoản 1 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Do đó, cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức T là có căn cứ.

[7] Đối với yêu cầu buộc UBND và Chủ tịch UBND huyện X3 phải công khai xin lỗi và bồi thường thiệt hại về danh dự, tài sản thì tại phiên tòa sơ thẩm, phía người khởi kiện đã rút yêu cầu khởi kiện đối với nội dung này, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này là đúng quy định của pháp luật.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, đã giải quyết vụ án đảm bảo đúng, đầy đủ quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự, ông T kháng cáo nhưng không có thêm tài liệu gì mới làm căn cứ, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị, bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Về án phí: Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Lê Đức T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

1. Bác kháng cáo của ông Lê Đức T; giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 95/2020/HC-ST ngày 30/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Ông Lê Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0020270 ngày 24/7/2020 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, xác nhận ông T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ (2b), phòng HCTP (2b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm